

Bản án số: 75/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2017

*Về việc tranh chấp Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Thiên Thor

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Công Đăng

2. Ông Nguyễn Hải Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đà Lạ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau:** Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1966 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1964 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Nguyên đơn Bà Trần Thị H trình bày tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2017 và tại phiên tòa như sau:*

Bà H với ông X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986 đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, ông X thường xuyên uống rượu về nhà kiêu chuyện chửi mắng, đánh đập, đe dọa hành hung bà, ông X không chung thủy có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác nên từ đó bà với ông X sống ly thân khoảng 4 năm nay. Bà H xác định không còn tình cảm với ông X nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Bà H với ông X có 5 người con chung: Nguyễn Hồng Nhi, sinh năm 1986, Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1988, Nguyễn Yến Nhi, sinh năm 1990, Nguyễn Huỳnh Nhi, sinh năm 1992, Nguyễn Út Nhi, sinh năm 1996 đã thành

niên, có công việc ổn định và sống riêng nên bà H không yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Về tài sản, nợ thì bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn X, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông nhưng ông không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông cố tình vắng mặt không lý do xem như ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong vụ án này.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú tại Ấp 6, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Từ khi Tòa án nhân dân huyện U Minh thụ lý giải quyết vụ án, đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông X không có ý kiến gì và vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn X.

[2]. Về hôn nhân: Bà Trần Thị H với ông Nguyễn Văn X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển 03 ngày 19-10-2002 nên hôn nhân của bà H với ông X là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận từ ngày đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông X, ông X không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, từ khi bà H với ông X không còn chung sống với nhau đến nay thì bà H với ông X cũng không tự hòa giải, hàn gắn được, ông X có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần đánh đập bà H, ông X không chung thủy nên có căn cứ xác định mục đích hôn nhân không đạt được, trái với nguyên tắc của luật hôn nhân và gia đình nên không cần thiết phải duy trì quan hệ hôn nhân này mà căn cứ Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn với ông X.

[3]. Về con chung: Bà H với ông X có 5 người con chung: Nguyễn Hồng Nhi, sinh năm 1986, Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1988, Nguyễn Yến Nhi, sinh năm 1990, Nguyễn Huỳnh Nhi, sinh năm 1992, Nguyễn Út Nhi, sinh năm 1996, tất cả đã thành niên, không bệnh tật, có việc làm ổn định và sống riêng nên bà H không có yêu cầu gì về nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Tòa không xét..

[4]. Về tài sản, nợ: Do bà H, ông X không có yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà H có nộp tạm ứng án phí đủ số tiền trên nên được chuyển thu án phí khi án có hiệu lực pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt Ông Nguyễn Văn X.

Áp dụng các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn X.

Hôn nhân của bà H với ông X chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Về con chung: Bà H với ông X có 5 người con chung: Nguyễn Hồng Nhi, sinh năm 1986, Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1988, Nguyễn Yến Nhi, sinh năm 1990, Nguyễn Huỳnh Nhi, sinh năm 1992, Nguyễn Út Nhi, sinh năm 1996, tất cả đã thành niên, không bệnh tật, có việc làm ổn định và sống riêng nên bà H không yêu cầu gì về trách nhiệm nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Tòa không xét..

Về tài sản, nợ thì bà H với ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn: Bà H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà H có nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011317 ngày 04 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh sẽ được chuyển thu án phí khi án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- UBND xã Khánh Lâm;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

***Mai Thiên Thơ***